

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/DS-ST

Ngày: 07-6-2024

V/v: “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Linh.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Nhi, bà Đinh Thị Lương Oanh.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 235/2023/TLST-DS, ngày 24 tháng 11 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N1; Địa chỉ trụ sở chính: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Bùi Thị Gia N, sinh năm: 1995; Địa chỉ nơi cư trú: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

Bị đơn: Bà Lục Thị L, sinh năm: 1985; Địa chỉ nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lục Thị T, sinh năm: 1988; Địa chỉ nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt, có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 10 năm 2023, các bản lời khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị Gia N trình bày:

- Ngày 06 tháng 01 năm 2023, Ngân hàng N1 – Chi nhánh B có cho bà Lục Thị L vay số tiền là: 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng), theo hợp đồng tín dụng số: 5600LAV2023039. Bà L vay tiền để bù đắp tài chính chăm sóc quýt, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày giải ngân, lãi suất 11,7%/01 năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn trả tiền lãi là 03

tháng/lần tính từ thời điểm giải ngân. Thời hạn trả tiền nợ gốc là ngày 06 tháng 01 năm 2024.

- Ngày 08 tháng 02 năm 2023, Ngân hàng N1 – Chi nhánh B có cho bà Lục Thị L vay số tiền là: 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng), theo hợp đồng tín dụng số: 5600LAV20230284. Bà L vay tiền để bù đắp tài chính trồng trọt chăn nuôi hỗn hợp, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày giải ngân, lãi suất 11,8%/01 năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn trả tiền lãi là 03 tháng/lần tính từ thời điểm giải ngân. Thời hạn trả tiền nợ gốc là ngày 08 tháng 02 năm 2024.

Để đảm bảo cho khoản vay này bà L đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản gồm:

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CP 321366, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: (CS) 05827/Đông Tiến, thuộc thửa đất số: 607, tờ bản đồ số: 25, diện tích: 525,5m², tọa lạc tại Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Văn T1 cùng bà Tăng Thị G ngày 01 tháng 7 năm 2019 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bình Phước chỉnh lý trang 4 cho bà Lục Thị L, sinh năm: 1985 ngày 29 tháng 3 năm 2022.

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DC 092431, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS 00344, thuộc thửa đất số: 443, tờ bản đồ số: 9, diện tích: 267m², tọa lạc tại Khu phố D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T2 ngày 16 tháng 11 năm 2021 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, tỉnh Bình Phước chỉnh lý trang 4 cho bà Lục Thị L, sinh năm: 1985 ngày 05 tháng 4 năm 2022.

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BM 251297, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: (CH) 01927/xã Đ, thuộc thửa đất số: 70, tờ bản đồ số: 03, diện tích: 595,7m², tọa lạc tại Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lục Phúc L1 cùng bà Lưu Thị Lê n 09 tháng 9 năm 2013 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bình Phước chỉnh lý trang 4 cho bà Lục Thị L, sinh năm: 1985 cùng bà Lục Thị T, sinh năm: 1988 ngày 02 tháng 3 năm 2021.

Tài sản thế chấp này thuộc quyền sở hữu của bà L, các bên đã làm hợp đồng thế chấp và có đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, Ngân hàng đã giải ngân cho bà L số tiền 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng), ngày 08 tháng 02 năm 2023, Ngân hàng đã giải ngân cho bà L số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Bà L mới trả tiền lãi của 02 khoản vay được 03 tháng. Ngày 06 tháng 7 năm 2023 và ngày 08 tháng 8 năm 2023 bà L vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà L phải trả tiền tiền lãi cho Ngân hàng nhưng bà không thực

hiện. Bà **L** không trả tiền cho ngân hàng là vi phạm thỏa thuận theo Điều 6 của Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng có quyền thu hồi toàn bộ nợ gốc trước thời hạn.

Do bà **L** vi phạm hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà **L** phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 2.700.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là: 315.490.137 đồng, tiền lãi quá hạn là: 47.676.987 đồng, tiền lãi phạt chậm trả lãi là: 12.949.961 đồng, tổng cộng là: 3.076.117.084 đồng.

Nếu bà **L** không trả tiền hoặc trả không đủ tiền cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Ngân hàng yêu cầu bà **L** phải trả cho Ngân hàng chi phí thẩm định, thông báo tìm kiếm theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn bà **Lục Thị L** vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

*Tại bản lời khai ngày 20 tháng 12 năm 2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Lục Thị T** trình bày:* Năm 2021 bà **T** và bà **Lục Thị L** được bố mẹ tặng cho quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 70, tờ bản đồ số: 3, tọa lạc tại **Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước**. Năm 2022, bà **T** ủy quyền cho bà **L** được toàn quyền tặng cho, mua bán đối với thửa đất trên. Nay Ngân hàng yêu cầu bà **L** phải trả số tiền 2.700.000.000 đồng và lãi suất thì bà **T** không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: **Ngân hàng N1** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài buộc bà **Lục Thị L** phải trả số tiền nợ gốc đã vay là: 2.700.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đây là tranh chấp dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại khoản 5 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bà **Lục Thị L** có quy định “Các bên thống nhất giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại nơi đóng trụ sở của Ngân hàng”. Ngân hàng có địa chỉ trụ sở chính tại **số G QL A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước** nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân thành phố Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 36, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là bà L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T. Bà T đã có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ, bà L vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử... Tuy nhiên bà L vẫn không đến Tòa án để làm việc và không tham gia phiên tòa. Việc bà L vắng mặt tại phiên tòa là tự mình từ bỏ quyền lợi của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 06 tháng 01 năm 2023 và ngày 08 tháng 02 năm 2023 Ngân hàng cho bà L vay tiền. Thời hạn trả tiền nợ gốc là 12 tháng, thời hạn trả tiền lãi là 03 tháng/lần. Ngày 06 tháng 7 năm 2023 và ngày 08 tháng 8 năm 2023 bà L vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.” Ngày 10 tháng 11 năm 2023 Ngân hàng nộp đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn: Ngân hàng yêu cầu bà L phải trả số tiền nợ gốc đã vay là: 2.700.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Yêu cầu này được chứng minh bởi hợp đồng tín dụng số: 5600LAV2023039 ngày 06 tháng 01 năm 2023, hợp đồng số: 5600LAV20230284 ngày 08 tháng 02 năm 2023 và giấy nhận nợ giữa bà L và Ngân hàng.

Theo hợp đồng tín dụng số: 5600LAV2023039 ngày 06 tháng 01 năm 2023 thì thời hạn trả tiền nợ gốc là ngày 06 tháng 01 năm 2024, thời hạn trả tiền lãi là 03 tháng/01 lần vào ngày 06. Ngày 06 tháng 7 năm 2023 bà L vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi. Theo hợp đồng tín dụng số: 5600LAV20230284 ngày 08 tháng 02 năm 2023 thì thời hạn trả tiền nợ gốc là ngày 08 tháng 02 năm 2024, thời hạn trả tiền lãi là 03 tháng/01 lần vào ngày 08. Ngày 08 tháng 8 năm 2023 bà L vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi. Bà L vi phạm nghĩa vụ trả lãi thì theo hợp đồng Ngân hàng có quyền thu hồi toàn bộ số tiền nợ gốc trước hạn theo Điều 6 của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Mặt khác bà L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên bà L không có ý kiến phản hồi. Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn:

Theo hợp đồng tín dụng số: 5600LAV2023039 ngày 06 tháng 01 năm 2023: Lãi suất vay là 11,7%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong

hạn. Từ khi vay bà **L** mới trả tiền lãi cho ngân hàng được 03 tháng, từ ngày 06 tháng 7 năm 2023 bà **L** không trả tiền lãi cho Ngân hàng.

Theo hợp đồng tín dụng số: 5600LAV20230284 ngày 08 tháng 02 năm 2023: Lãi suất vay là 11,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Từ khi vay bà **L** mới trả tiền lãi cho ngân hàng được 03 tháng, từ ngày 08 tháng 8 năm 2023 bà **L** không trả tiền lãi cho Ngân hàng.

Do yêu cầu khởi kiện về việc trả nợ gốc được chấp nhận nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về lãi suất của Ngân hàng được quy định tại Thông tư số: 39/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N2** quy định về mức lãi suất cho vay đối với các tổ chức tín dụng; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Lãi suất cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số: 5600LAV2023039 ngày 06 tháng 01 năm 2023, nợ gốc còn thiếu là 1.400.000.000 đồng, lãi suất trong hạn tính từ ngày 06 tháng 4 năm 2023 đến ngày 07 tháng 6 năm 2024 là: 168.832.329 đồng, lãi suất quá hạn tính từ ngày 08 tháng 01 năm 2024 đến ngày 07 tháng 6 năm 2024 là: 27.984.658 đồng, lãi phạt chậm trả lãi tính từ ngày 06 tháng 4 năm 2023 đến ngày 07 tháng 01 năm 2024 là: 7.727.779 đồng, tổng cộng là 204.544.766 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: 5600LAV20230284 ngày 08 tháng 02 năm 2023, nợ gốc còn thiếu là 1.300.000.000 đồng, lãi suất trong hạn tính từ ngày 08 tháng 5 năm 2023 đến ngày 07 tháng 6 năm 2024 là: 146.657.808 đồng, lãi suất quá hạn tính từ ngày 15 tháng 02 năm 2024 đến ngày 07 tháng 6 năm 2024 là: 19.692.329 đồng, lãi phạt chậm trả lãi tính từ ngày 08 tháng 5 năm 2023 đến ngày 14 tháng 02 năm 2024 là: 5.222.182 đồng, tổng cộng là 171.572.319 đồng.

[4] Chi phí thẩm định tài sản, thông báo tìm kiếm: bà **Lục Thị L** phải chịu là 6.000.000 đồng.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài về nội dung vụ án là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: **Ngân hàng N1** không phải chịu án phí; bà **Lục Thị L** phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 90, 91, 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Áp dụng Nghị định: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về Giao dịch bảo đảm; Nghị định: số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Thông tư số: 39/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N2** quy định về mức lãi suất cho vay đối với các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng N1**.

1.1 Buộc bà **Lục Thị L** phải trả cho **Ngân hàng N1** số tiền nợ gốc là: 2.700.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là: 315.490.137 đồng, tiền lãi quá hạn là: 47.676.987 đồng, tiền lãi phạt chậm trả lãi là: 12.949.961 đồng, tổng cộng là: 3.076.117.084 đồng (ba tỷ không trăm bảy sáu triệu một trăm mười bảy nghìn không trăm tám bốn đồng).

Từ ngày 08 tháng 6 năm 2024, bà **Lục Thị L** còn phải tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn thiếu theo hợp đồng tín dụng số: 5600LAV2023039 ngày 06 tháng 01 năm 2023 và hợp đồng số: 5600LAV20230284 ngày 08 tháng 02 năm 2023 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

1.2 Bà **Lục Thị L** phải trả cho **Ngân hàng N1** số tiền chi phí thẩm định tại chỗ, thông báo tìm kiếm là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Sau khi bà **Lục Thị L** hoàn tất nghĩa vụ thanh toán đối với **Ngân hàng N1** thì **Ngân hàng N1** phải trả cho bà **Lục Thị L** các giấy tờ gồm:

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CP 321366, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: (CS) 05827/Đông Tiến, thuộc thửa đất số: 607, tờ bản đồ số: 25, diện tích: 525,5m², tọa lạc tại **ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước**; được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Trịnh Văn T1** cùng bà **Tăng Thị G** ngày 01 tháng 7 năm 2019 và được Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bình Phước** chỉnh lý trang 4 cho bà **Lục Thị L**, sinh năm: 1985 ngày 29 tháng 3 năm 2022.

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DC 092431, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS 00344, thuộc thửa đất số: 443, tờ bản đồ số: 9, diện tích: 267m², tọa lạc tại **Khu phố D, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước**; được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Nguyễn Văn T2** ngày 16 tháng 11 năm 2021 và được Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, tỉnh Bình Phước** chỉnh lý trang 4 cho bà **Lục Thị L**, sinh năm: 1985 ngày 05 tháng 4 năm 2022.

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BM 251297, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: (CH) 01927/xã Đ, thuộc thửa đất số: 70, tờ bản đồ số: 03, diện tích: 595,7m², tọa lạc tại **Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước**; được **Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Lục Phúc L1** cùng bà **Lưu Thị Lê n** 09 tháng 9 năm 2013 và được Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bình Phước** chỉnh lý trang 4 cho bà **Lục Thị L**, sinh năm: 1985 cùng bà **Lục Thị T**, sinh năm: 1988 ngày 02 tháng 3 năm 2021.

Nếu bà **Lục Thị L** không trả tiền hoặc trả không đủ tiền cho Ngân hàng thì **Ngân hàng N1** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: V2023-07018500232/HĐTC ngày 05 tháng 01 năm 2023 và hợp đồng thế chấp số: V2022-07018500232/HĐTC ngày 09 tháng 02 năm 2022 để thu hồi nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Lục Thị L** phải chịu là: 93.522.300 đồng đồng (chín ba triệu năm trăm hai hai nghìn ba trăm đồng).

Ngân hàng N1 không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài hoàn trả cho **Ngân hàng N1** số tiền: 43.000.000 đồng (bốn ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0005331, ngày 22 tháng 11 năm 2023.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà **Lục Thị L**, bà **Lục Thị T** vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TP Đồng Xoài;
- Chi cục THADS TP Đồng Xoài;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa